

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 22/2020/HNGĐ-ST

Ngày 05-8-2020

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Phúc.

Ông Võ Hùng Em.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa:
Bà Hồ Thị Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 05/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 359/2019/TLST-HNGĐ ngày 24/12/2019, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐST – HNGĐ, ngày 24 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/7/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phan Thị Mai H, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Võ Văn T, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bà H có mặt tại phiên tòa. Ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Phan Thị Mai H trình bày: Bà H và ông T chung sống với nhau vào năm 1996 không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu cũng rất hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, ông T thường xuyên gây áp lực cho bà như đập phá đồ đạc trong nhà, cầm dao hù dọa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2018 cho đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà **Phan Thị Mai H** yêu cầu ly hôn với ông **Võ Văn T**.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà H và ông T có 02 người con chung là **Võ Công T** (sinh ngày 24/5/1998) và **Võ Phước L** (sinh ngày 09/02/2001). Hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Võ Văn T vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đều chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì về phần tố tụng. Riêng bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không tham gia phiên tòa là thực hiện không đầy đủ các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình thu thập chứng cứ: Ngoài các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp thì trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của đương sự, người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Xét việc bà H khởi kiện xin ly hôn là vụ án dân sự và bị đơn ông T cư trú tại huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Tam Nông giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T là phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự: Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T. Về con chung: đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có.

Hội đồng xét xử **xét thấy**: Bà H, ông T đã ly thân với nhau từ tháng 02 năm 2018. Tại phiên tòa, bà H vẫn kiên quyết yêu cầu xin ly hôn với ông T. Mặt khác, từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T biết nhưng ông T không đến Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến. Điều đó chứng minh ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm với bà H. Từ đó, xét thấy hôn nhân của vợ chồng ông bà ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Bà H trình bày vợ chồng không có đăng ký kết hôn; đồng thời theo Công văn số 261/UBND ngày 07/7/2020 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp thì bà H và ông T không có đăng ký kết hôn. Do đó, không công nhận bà H và ông T là vợ chồng là phù hợp với quy định tại Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông T có 02 người con chung là Võ Công T (sinh ngày 24/5/1998) và Võ Phước L (sinh ngày 09/02/2001). Hiện nay các con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này phát sinh mâu thuẫn sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 14, Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Phan Thị Mai H và ông Võ Văn T là vợ chồng.

2/ Về con chung: **Hiện nay các con của bà H và ông T đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.**

3/ Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: Bà H trình bày không có.

5/ Về án phí:

Bà Phan Thị Mai H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai số BH/2018/0005759, quyển số 0000116 ngày 23 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Bà Phan Thị Mai H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Võ Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương vụ trong vụ án;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Duy Khang